

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2025/DS-ST
Ngày 15-4-2025
V/v “Tranh chấp về hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Phú Hữu.
- Ông Trần Văn Hải.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Vũ Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Mỹ Linh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10, 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 883/2024/TLST-DS, ngày 23 tháng 12 năm 2024, về việc “Tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2025/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Nguyễn Thị H, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Tổ C, khóm C, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Phạm Thanh V, sinh năm 1993. Địa chỉ: Tổ B, khóm M, Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (hợp đồng ủy quyền ngày 10/12/2024).

- **Bị đơn:** Nguyễn Thị N, sinh năm 1939.

Địa chỉ: Số C, đường T, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1984.

2. Nguyễn Thị T, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Số C, đường T, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Lê Bảo T1, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số D, đường T, khóm B, Phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh V có mặt; bà N, chị Thúy A, chị T, anh T1 đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là Nguyễn Thị H có anh Phạm Thanh V là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 01/6/2007, bà H có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị N với diện tích là 112,3m² (ghi tròn là 113m²) thuộc thửa đất số 446, tờ bản đồ số 12, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Hai bên đã ký kết với nhau Tờ mua bán đất ngày 01/6/2007. Giá chuyển nhượng là 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng), thỏa thuận chia làm 02 lần thanh toán, lần 01 bà H sẽ đưa số tiền 21.000.000 đồng, lần 2 khi bà N sang tên qua cho bà H đứng tên thì bà H sẽ trả số tiền 15.000.000 đồng còn lại. Theo đúng thỏa thuận, ngày 12/6/2007 bà H đã đưa số tiền 21.000.000 đồng cho bà N và Thúy A (con bà N) nhận và bà H nhận đất sử dụng cho đến nay.

Đến ngày 29/12/2007, do bà N nói rằng gia đình đang túng thiếu cần tiền xoay sở nên nhờ bà H đưa số tiền 15.000.000 đồng còn lại để bà N xoay sở. Thấy hoàn cảnh gia đình bà N1 như vậy bà H cũng đồng cảm, và phân vì bà H nghĩ bản gốc giấy chứng nhận bà H đã giữ và bà H cũng rất tin tưởng con người của bà N nên bà H đã đồng ý đưa thêm số tiền 15.000.000 đồng còn lại.

Năm 2011, bà H tiến hành xây dựng nhà xưởng và sử dụng ổn định cho đến nay. Bà H là người quản lý sử dụng trực tiếp diện tích đất, và giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính. Bà H không có tranh chấp đối với vật kiến trúc có trên đất.

Nhưng tuy nhiên, nhận thấy bà N vẫn dùng nhiều lí do để hứa hẹn, lẩn tránh nghĩa vụ sang tên quyền sử dụng đất cho bà H. Ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H.

Nay bà Nguyễn Thị H yêu cầu công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (theo Tờ mua bán đất) giữa bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị H ngày 01/6/2007, đối với diện tích đất theo đo đạc thực tế 147, 5m², từ mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6 theo sơ đồ đo đạc ngày 16/01/2025 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ, thuộc thửa đất số 446, tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp có hiệu lực pháp luật, để bà Nguyễn Thị H đứng tên, quản lý, sử dụng đất. Hiện phần đất tranh chấp do bà Nguyễn Thị H đã xây dựng nhà và đang quản lý sử dụng. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

- Bị đơn là Nguyễn Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Thị Thúy A, Nguyễn Thị T đã được triệu tập họp lệ lần hai nhưng vắng mặt không rõ lý do và đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng đều không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa xét xử.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Lê Bảo T1 vắng mặt có đơn xin

xét xử vắng mặt và trình bày ý kiến: Anh Lê Bảo T1 là người giáp ranh với bà Nguyễn Thị H, bà H có diện tích đất 150m² thuộc thửa 446, tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại Phường A, thành phố C, trên đất có xây dựng 01 căn nhà, nối liền với diện tích đất của anh T1, anh T1 và bà H có chung vốn xây dựng căn nhà để kinh doanh. Nay anh Lê Bảo T1 không có tranh chấp gì với bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị N, anh T1 cũng đã thống nhất ranh giới quyền sử dụng đất giữa với anh T1 và bà Nguyễn Thị H khi Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đều đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 129 của Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị N tiếp tục thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (theo Tờ mua bán đất) giữa bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị H ngày 01/6/2007, đối với diện tích đất theo đo đạc thực tế 147, 5m², từ mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6 theo sơ đồ đo đạc ngày 16/01/2025 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ, thuộc thửa đất số 446, tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Án phí và chi phí tố tụng: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” theo quy định tại Điều 500 của Bộ luật dân sự và Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Bị đơn là Nguyễn Thị N có nơi cư trú tại số C, đường T, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp và diện tích đất các bên tranh chấp tọa lạc tại Phường A, thành phố C nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn là Nguyễn Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Thị Thúy A, Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Lê Bảo T1 vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về nội dung:

Nay bà Nguyễn Thị H yêu cầu công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (theo Tờ mua bán đất) giữa bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị H ngày 01/6/2007, đối với diện tích đất theo đo đạc thực tế 147, 5m², từ mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6 theo sơ đồ đo đạc ngày 16/01/2025 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ, thuộc thửa đất số 446, tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp có hiệu lực pháp luật, để bà Nguyễn Thị H đứng tên, quản lý, sử dụng đất. Hiện phần đất tranh chấp do bà Nguyễn Thị H đã xây dựng nhà và đang quản lý sử dụng. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Xét thấy, Nguyên đơn cung cấp chứng cứ chứng minh gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 446, tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp đã được Ủy ban nhân dân thành phố C cấp cho bà Nguyễn Thị N vào ngày 04/3/2013 (bản photo có đối chiếu bản chính) và Tờ mua bán đất ngày 01/6/2007 giữa bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị H, diện tích đất 113m², với giá 36.000.000 đồng, hợp đồng có chữ ký, ghi họ tên của bên bán Nguyễn Thị N cùng ký tên là các con tên Nguyễn Thị Thúy A, Nguyễn Thị T; bên mua Nguyễn Thị H; giao tiền 02 lần, ngày 12/6/2007 bà Nguyễn Thị N cùng con là Nguyễn Thị Thúy A nhận 21.000.000 đồng, ngày 29/12/2007 bà Nguyễn Thị N nhận 15.000.000 đồng.

Quá trình Tòa án thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, thể hiện rõ nội dung vụ việc và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện cho phía bị đơn. Tuy nhiên phía bị đơn vẫn không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án cũng như không có ý kiến phản bác, yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì khác liên quan đến yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn. Mặt khác, tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 01/6/2007 giữa bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị H đối với diện tích đất theo đo đạc thực tế 147, 5m², từ mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6 theo sơ đồ đo đạc ngày 16/01/2025 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ, thuộc thửa đất số 446, tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; đã được hai bên ký kết và bà Nguyễn Thị N đã được Ủy ban nhân dân thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị N vào ngày 04/3/2013; bên nhận chuyển nhượng đã trả tiền xong.

Sau khi chuyển nhượng ngày 12/6/2007 hai bên đã bàn giao đất ngoài thực địa cho bên nhận chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị H quản lý, sử dụng, đến năm 2011, bà H xây dựng nhà và sử dụng ổn định cho đến nay và giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính đến nay. Tuy nhiên bà Nguyễn Thị H đã nhiều lần yêu cầu bà Nguyễn Thị N2 làm thủ tục sang tên, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật nhưng bà Nguyễn Thị N2 không thực hiện.

Nay bà Nguyễn Thị H yêu cầu công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 01/6/2007 giữa bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị H đối với diện tích đất theo đo đạc thực tế 147, 5m², từ mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6 về M1 theo sơ đồ đo đạc ngày 16/01/2025 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ thuộc thửa đất số 446, tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp có hiệu lực pháp luật, để bà Nguyễn Thị H đứng tên, quản lý, sử dụng đất

Theo Điều 129 của Bộ Luật dân sự quy định:

“1. Giao dịch dân sự đã được xác lập theo quy định phải bằng văn bản nhưng văn bản không đúng quy định của luật mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch thì theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, Tòa án ra quyết định công nhận hiệu lực của giao dịch đó.

2. Giao dịch dân sự đã được xác lập bằng văn bản nhưng vi phạm quy định bắt buộc về công chứng, chứng thực mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch thì theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, Tòa án ra quyết định công nhận hiệu lực của giao dịch đó. Trong trường hợp này, các bên không phải thực hiện việc công chứng, chứng thực.”

Từ những phân tích và căn cứ vào các Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 129, 500, 501 của Bộ luật dân sự, bà Nguyễn Thị H yêu cầu công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 01/6/2007 giữa bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị H đối với diện tích đất theo đo đạc thực tế 147, 5m², từ mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6 về M1 theo sơ đồ đo đạc ngày 16/01/2025 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ thuộc thửa đất số 446, tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp có hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên chấp nhận.

Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 01/6/2007 giữa bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị H đối với diện tích đất theo đo đạc thực tế 147, 5m², từ mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6 về M1 theo sơ đồ đo đạc ngày 16/01/2025 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ thuộc thửa đất số 446, tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp có hiệu lực pháp luật.

Bà Nguyễn Thị H được sử dụng đất diện tích đất 147, 5m², từ mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6 về M1 theo sơ đồ đo đạc ngày 16/01/2025 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ thuộc thửa đất số 446, tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp đã được Ủy ban nhân dân thành phố C cấp cho bà Nguyễn Thị N, sổ vào sổ cấp GCN: CH01501, vào ngày 04/3/2013.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tại phiên tòa, như đã phân tích nêu trên là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 8.276.976 đồng, nguyên đơn là Nguyễn Thị H tự nguyện chịu, đã tạm ứng và đã chi xong.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa. Tuy nhiên do bà Nguyễn Thị N nay đã lớn tuổi nên nguyên đơn là Nguyễn Thị H tự nguyện chịu, nộp án phí dân sự sơ thẩm thay cho bà Nguyễn Thị N.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 129, 500, 501 của Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 01/6/2007 giữa bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị H đối với diện tích đất theo đo đạc thực tế 147, 5m², từ mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6 về M1 theo sơ đồ đo đạc ngày 16/01/2025 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ thuộc thửa đất số 446, tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp có hiệu lực pháp luật.

Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 01/6/2007 giữa bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị H đối với diện tích đất theo đo đạc thực tế 147, 5m², từ mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6 về M1 theo sơ đồ đo đạc ngày 16/01/2025 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ thuộc thửa đất số 446, tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp có hiệu lực pháp luật.

Bà Nguyễn Thị H được sử dụng đất diện tích đất 147, 5m², từ mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6 về M1 theo sơ đồ đo đạc ngày 16/01/2025 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ thuộc thửa đất số 446, tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp đã được Ủy ban nhân dân thành phố C cấp cho bà Nguyễn Thị N, sổ vào sổ cấp GCN: CH01501, vào ngày 04/3/2013.

Kèm theo sơ đồ đo đạc ngày 16/01/2025 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ.

Đương sự có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng ký, điều chỉnh diện tích đất của mình và chịu trách nhiệm nộp các khoản thu theo quy định pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là Nguyễn Thị H tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã

nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013164, ngày 18/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy bà Nguyễn Thị H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

- Về chi phí tố tụng gồm: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 8.276.976 đồng, nguyên đơn là Nguyễn Thị H tự nguyện chịu, đã tạm ứng và đã chi xong.

- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

- Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thanh Hiền